

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/2025.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

2. Ông Lý Tuấn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn H - sinh ngày 01/01/1988, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị Y - sinh ngày 29/01/1990, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Phan Văn H như sau:

Vào năm 2011, ông và bà Tạ Thị Y tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G ngày 08/02/2014.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi vợ chồng đi làm ở thành phố thì vợ ông có quen với người đàn ông khác, ông nhiều lần khuyên can nhưng bà Y không thay đổi nên vợ chồng ông đã ly thân được gần 02 năm. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau và ông không còn tình cảm với bà Tạ Thị Y nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tạ Thị Y.

Thời gian chung sống vợ chồng ông có 03 người con chung tên Phan Phúc H1 – sinh ngày 14/02/2012; Phan Ngọc H2 – sinh ngày 25/9/2013 và Phan Minh H3 – sinh ngày 20/4/2020.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Tạ Thị Y.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung tên Phan Phúc H1 – sinh ngày 14/02/2012; Phan Ngọc H2 – sinh ngày 25/9/2013 và Phan Minh H3 – sinh ngày 20/4/2020 cho bà Tạ Thị Y nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng 3.510.000đồng/03 người con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Tạ Thị Y đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Tạ Thị Y không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà Tạ Thị Y.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Phan Văn H được ly hôn với bà Tạ Thị Y. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Phúc H1 – sinh ngày 14/02/2012; Phan Ngọc H2 – sinh ngày 25/9/2013 và Phan Minh H3 – sinh ngày 20/4/2020 cho bà Tạ Thị Y nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Phan Văn H, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Phan Văn H và bà Tạ Thị Y là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Tạ Thị Y là bị đơn trong vụ án, bà Tạ Thị Y có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay bà Tạ Thị Y vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Tạ Thị Y vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Tạ Thị Y.

Ông Phan Văn H có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Phan Văn H không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phan Văn H.

[2] Về hôn nhân: Ông Phan Văn H và bà Tạ Thị Y cưới nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22/2014, ngày 08/02/2014, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Phan Văn H và bà Tạ Thị Y là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của ông Phan Văn H và bà Tạ Thị Y là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc 10 năm và có 03

người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Ông Phan Văn H cho rằng vợ chồng ông bà mâu thuẫn là do bà Tạ Thị Y quen người đàn ông khác. Vợ chồng đã ly thân 02 năm nay. Trong thời gian ly thân ông nhiều lần gọi điện cho bà Tạ Thị Y hỏi thăm nhưng bà Y không muốn hàn gắn nên chửi ông và kêu ông đừng làm phiền. Ngày 25/12/2024 và ngày 13/01/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Tạ Thị Y vắng mặt và ông Phan Văn H cương quyết ly hôn với bà Tạ Thị Y. Xét thấy, vợ chồng ông Phan Văn H và bà Tạ Thị Y đã sống ly thân được 02 năm, trong thời gian này, bà Tạ Thị Y và ông Phan Văn H không tìm được tiếng nói chung và không tự hàn gắn được, khi Tòa án mời bà Tạ Thị Y đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì bà Tạ Thị Y không có mặt cho thấy bà không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Ông Phan Văn H cương quyết xin ly hôn với bà Tạ Thị Y và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương bà Tạ Thị Y, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn H.

[4] Về con chung: Ông Phan Văn H và bà Tạ Thị Y có 03 người con chung tên Phan Phúc H1 – sinh ngày 14/02/2012; Phan Ngọc H2 – sinh ngày 25/9/2013 và Phan Minh H3 – sinh ngày 20/4/2020, hiện nay bà Tạ Thị Y đang nuôi dưỡng.

Ông Phan Văn H đồng ý giao các cháu Phan Phúc H1 – sinh ngày 14/02/2012; Phan Ngọc H2 – sinh ngày 25/9/2013 và Phan Minh H3 – sinh ngày 20/4/2020 cho bà Tạ Thị Y nuôi dưỡng và cháu Phan Phúc H1, Phan Ngọc H2 có nguyện vọng sống chung với mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn H.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tạ Thị Y không yêu cầu nhưng ông Phan Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng 3.510.000đồng/03 người con chung, mức cấp dưỡng này là phù hợp với quy định và việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi của các bé, đồng thời, giúp bà Tạ Thị Y có điều kiện nuôi dưỡng tốt các bé nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Phan Văn H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006148, ngày 22/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Tạ Thị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trước khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên ông Phan Văn H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.

Về hôn nhân: Xử cho ông Phan Văn H được ly hôn với bà Tạ Thị Y.

Về con chung: Giao cháu Phan Phúc H1 – sinh ngày 14/02/2012; Phan Ngọc H2 – sinh ngày 25/9/2013 và Phan Minh H3 – sinh ngày 20/4/2020 cho bà Tạ Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Phan Văn H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn H về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng 3.510.000đồng/03 người con chung (mỗi người con chung bằng 1.170.000đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu Phan Phúc H1, Phan Ngọc H2 và Phan Minh H3 đủ 18 tuổi.

Các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phan Văn H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006148, ngày 22/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Tạ Thị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trước khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên ông Phan Văn H không phải nộp án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang